

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2025/KT-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Mười;
2. Bà Lương Thị Kim Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST- KT ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2025/QĐXXST-KT ngày 04/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2025/QĐST-KT ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Đ; Địa chỉ: 131/6/1/xx T, phường B1, Thành phố H (địa chỉ cũ: 131/6/1/xx T, phường B, quận B1, Thành phố H); Người đại diện theo pháp luật: ông Tô Duy L, sinh ngày: 20/02/19xx; CCCD số 075083016xxx; Chức danh: Giám đốc (ông Tô Duy L có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Kỹ thuật L; Địa chỉ: 47/xx A, phường B, Thành phố H (địa chỉ cũ: 47/xx A, phường B, quận B1, Thành phố H); Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Như Thảo, sinh ngày 28/9/1979; CCCD số 083179000411; Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Vào ngày 16/3/2023 Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Kỹ thuật L (Công ty L/bị đơn) chấp nhận bảng báo giá và đồng ý mua của Công ty TNHH Đ (Công ty E/nguyên đơn) 03 (ba) mô tơ AESV-4HP-75HP, giá trị của đơn hàng đã bao gồm 10% thuế VAT là 165.000.000 đồng.

Ngày 05/4/2023, Công ty E đã giao hàng cho Công ty L.

Ngày 10/4/2023, Công ty E đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016, ký hiệu 1C23TEC.

Ngày 05/6/2023 Công ty L thanh toán được số tiền là 82.500.000 đồng tương đương với 50% giá trị của đơn hàng.

Ngày 21/5/2024 Công ty E gửi Đề nghị thanh toán đến Công ty L yêu cầu thanh toán số tiền còn lại của đơn hàng là 82.500.000 đồng nhưng cho đến nay Công ty L vẫn chưa thanh toán.

Nay Công ty E yêu cầu: Công ty L thanh toán số tiền còn nợ là 82.500.000 đồng.

Ngoài ra Công ty E không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mua bán hàng hóa với tổng giá trị của

đơn hàng là 165.000.000 đồng nhưng bị đơn mới thanh toán được 85.000.000 đồng, còn nợ 85.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại phát sinh từ thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa Công ty E và Công ty L. Bị đơn là Công ty L có địa chỉ tại số 47/xx A, phường B, Thành phố H (địa chỉ cũ: 47/xx A, phường B, quận B1, Thành phố H), căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Hội đồng xét xử xem xét thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH Đ và Công ty L, thấy rằng: nguyên đơn và bị đơn là 02 pháp nhân có đăng ký kinh doanh, thỏa thuận mua bán hàng hóa trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội; thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn không được lập thành văn bản, theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại năm 2005, thì *“Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”*; trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau bằng lời nói, nguyên đơn đã giao hàng và xuất hóa đơn, bị đơn đã nhận hàng và đã thanh toán được một phần tiền hàng nên đây là giao dịch có thật và hợp pháp, do đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3. 2] Xét yêu cầu đòi 85.000.000 đồng nợ gốc của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 về thời hạn thanh toán: *“Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa”*.

[3. 3] Xét các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, thấy rằng: ngày 05/4/2023 nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn, ngày 10/4/2023 đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016, ký hiệu 1C23TEC với trị giá của hóa đơn là 165.000.000 đồng. Xét Ủy nhiệm chi của bị đơn ngày 05/6/2023 từ tài khoản số 18747159 tại Ngân hàng TMCP A có nội dung: LN thanh toán đợt 1 cho Công ty E 50% hóa đơn số 16, cho thấy bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 85.000.000 đồng, như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 85.000.000 đồng của hóa đơn số 16, nay nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số tiền còn nợ là có căn

cứ chấp nhận.

[4] Công ty L mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như không gửi chứng cứ, tài liệu liên quan đến yêu cầu của Công ty E nên chứng cứ Công ty E giao nộp cho tòa án là chứng cứ không phải chứng minh.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng: các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

[6. 1] Công ty E được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6. 2] Công ty L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ đối với Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Kỹ thuật L về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa:

1. 1. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Kỹ thuật L phải trả cho Công ty TNHH Đ số tiền là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng.

1. 2. Kể từ ngày Công ty TNHH Đ có đơn yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Kỹ thuật L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí:

2. 1. Hoàn lại cho Công ty TNHH Đ số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048662 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. 2. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Kỹ thuật L phải chịu 4.250.000 (bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9;
- THADS TP,HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên